

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi các môn chung			Điểm thi các môn chuyên				Điểm XT	Lớp chuyên	Trung tuyển
					Văn	Toán	Anh	Văn	Toán	Anh	KHTN(Lí, Hóa, Sinh)			
1	LÊ NGỌC BẢO LINH	29/09/2010	TP.HỒ CHÍ MINH	KINH	9.250	9.500	9.800			7.600		43.750	TIẾNG ANH	NV1
2	ĐOÀN PHƯƠNG NHƯ	03/06/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	9.250	9.000	10.000	3.750		7.600		43.450	TIẾNG ANH	NV1
3	NGUYỄN NGỌC HÂN	02/07/2010	TP.HỒ CHÍ MINH	KINH	8.500	9.500	10.000			7.400		42.800	TIẾNG ANH	NV1
4	PHAN THỊ THỦY TIÊN	14/06/2010	QUẢNG NAM	KINH	8.750	9.500	10.000			7.000		42.250	TIẾNG ANH	NV1
5	LÊ THỊ KHÁNH CHÌ	24/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	9.500	9.500	10.000			6.500		42.000	TIẾNG ANH	NV1
6	TRƯƠNG QUỲNH HOA	01/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	9.750	10.000			6.500		41.250	TIẾNG ANH	NV1
7	LÊ BẢO TRẦN	14/03/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	8.000	9.500	10.000			6.800		41.100	TIẾNG ANH	NV1
8	LÊ NGUYỄN TUẤN KIẾT	28/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	9.500	10.000			6.400		40.800	TIẾNG ANH	NV1
9	THÁI GIA KIẾT	14/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	9.500	9.800		3.750	6.900		40.600	TIẾNG ANH	NV1
10	KIỀU NGUYỄN THẢO NGUYỄN	12/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	9.500	9.500	10.000			5.800		40.600	TIẾNG ANH	NV1
11	ĐỒNG KHÁNH LINH	02/04/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	9.000	9.250	9.800			5.800		39.650	TIẾNG ANH	NV1
12	LƯƠNG NGỌC LINH	13/01/2010	TP.HỒ CHÍ MINH	KINH	9.000	9.500	10.000			5.500		39.500	TIẾNG ANH	NV1
13	NGUYỄN PHƯƠNG NGUYỄN	05/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	9.500	9.000	10.000			5.500		39.500	TIẾNG ANH	NV1
14	NGUYỄN THU GIANG	19/09/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	9.000	9.750	10.000		5.130	5.300		39.350	TIẾNG ANH	NV1
15	PHẠM BẢO CHÂU	15/08/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	8.000	9.250	9.600			6.200		39.250	TIẾNG ANH	NV1
16	NGUYỄN ĐẶNG TUẤN KIẾT	27/09/2010	TP.HỒ CHÍ MINH	KINH	8.750	9.500	9.800			5.600		39.250	TIẾNG ANH	NV1
17	NGUYỄN VŨ HÀ LINH	01/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.750	9.500	10.000			5.400		39.050	TIẾNG ANH	NV1
18	LƯƠNG BẢO NGỌC	30/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.750	9.500	10.000	3.000		5.400		39.050	TIẾNG ANH	NV1
19	NGUYỄN BÌNH MAI PHƯƠNG	19/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	9.250	9.300			5.900		38.850	TIẾNG ANH	NV1
20	TRẦN NGỌC THÁI UYÊN	10/01/2010	TP.HỒ CHÍ MINH	KINH	8.750	9.500	10.000			5.100		38.450	TIẾNG ANH	NV1
21	PHẠM THANH LONG	03/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.750	8.750	10.000			5.400		38.300	TIẾNG ANH	NV1



TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi các môn chung			Điểm thi các môn chuyên				Điểm XT	Lớp chuyên	Trung tuyển
					Văn	Toán	Anh	Văn	Toán	Anh	KHTN(Lí, Hóa, Sinh)			
22	ĐÀO THUY THẢO NGUYỄN	07/02/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	9.500	9.000	9.500	2.500		5.100		38.200	TIẾNG ANH	NV1
23	NGUYỄN DUY ANH	19/10/2010	THANH HÓA	KINH	7.000	9.500	9.800			5.800		37.900	TIẾNG ANH	NV1
24	HOÀNG TRƯỜNG GIANG	20/10/2010	NGHỆ AN	KINH	8.000	9.500	10.000			5.200		37.900	TIẾNG ANH	NV1
25	NGUYỄN ÁNH TUYẾT	12/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	9.000	9.500	10.000			4.700		37.900	TIẾNG ANH	NV1
26	ĐỒNG BẢO LÂM	12/12/2010	ĐẮK LẮK	KINH	8.750	9.500	9.600			5.000		37.850	TIẾNG ANH	NV1
27	TRƯƠNG ANH THƯ	31/05/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	8.000	9.250	10.000			5.300		37.850	TIẾNG ANH	NV1
28	TRẦN GIA KHANG	04/10/2010	TP.HỒ CHÍ MINH	KINH	8.750	9.500	9.600			4.900		37.650	TIẾNG ANH	NV1
29	DƯƠNG ĐỨC MINH	29/12/2010	BÌNH PHƯỚC	CAO LAN	8.500	9.500	9.800			4.900		37.600	TIẾNG ANH	NV1
30	PHAN THANH MINH CHÂU	07/09/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	9.000	8.750	9.600			5.100		37.550	TIẾNG ANH	NV1
31	NGUYỄN NHƯ THUKỲ	07/02/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	8.250	9.000	10.000			5.100		37.450	TIẾNG ANH	NV1
32	PHẠM MINH TÂN	10/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.000	9.000	9.500			5.400		37.300	TIẾNG ANH	NV1
33	NGUYỄN NGỌC MỸ DUNG	24/12/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	8.250	9.000	9.800			5.100		37.250	TIẾNG ANH	NV1
34	LÊ THỊ QUỲNH NHƯ	26/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.750	9.500	9.800			5.100		37.250	TIẾNG ANH	NV1
35	VÕ ANH PHÁT	10/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.750	9.500	9.600			4.700		37.250	TIẾNG ANH	NV1
36	NGUYỄN GIA HÂN	17/08/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	8.500	10.000	10.000				8.750	46.000	HOÁ HỌC	NV1
37	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	05/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	9.500	10.000				8.250	44.500	HOÁ HỌC	NV1
38	TRƯƠNG TRÍ BÌNH	30/09/2010	BÌNH PHƯỚC	HOA	6.500	8.750	10.000				9.500	44.250	HOÁ HỌC	NV1
39	NGUYỄN SỸ CÔNG	23/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	9.500	10.000				8.125	44.250	HOÁ HỌC	NV1
40	LÊ NGUYỄN KHÔI NGUYỄN	03/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	9.500	9.250	9.600				7.875	44.100	HOÁ HỌC	NV1
41	TẠ ĐỨC PHONG	12/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.750	9.250	9.300				7.875	43.050	HOÁ HỌC	NV1
42	DƯƠNG TRUNG LỰC	12/08/2010	TP.HỒ CHÍ MINH	KINH	8.000	9.750	8.100		4.500		8.000	41.850	HOÁ HỌC	NV1

Trường: THPT chuyên Quang Trung

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi các môn chung			Điểm thi các môn chuyên				Điểm XT	Lớp chuyên	Trúng tuyển
					Văn	Toán	Anh	Văn	Toán	Anh	KHTN(Lí, Hóa, Sinh)			
43	TRẦN ANH VŨ	21/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.000	9.500	9.800				7.125	41.550	HOÁ HỌC	NV1
44	HÀ THỊ HƯƠNG GIANG	07/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.000	9.500	9.800				7.000	41.300	HOÁ HỌC	NV1
45	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	04/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.750	9.500	8.300				7.000	40.550	HOÁ HỌC	NV1
46	ĐẶNG ĐÌNH DŨNG	11/10/2010	ĐỒNG NAI	KINH	8.250	9.250	10.000				6.250	40.000	HOÁ HỌC	NV1
47	LÊ ĐỨC TUẤN	11/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.000	9.500	9.000				7.125	39.750	HOÁ HỌC	NV1
48	TRẦN PHẠM HOÀNG ANH	31/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.250	9.500	9.200				6.625	39.200	HOÁ HỌC	NV1
49	HỒ HỮU ANH KHOA	14/05/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.750	8.250	9.400				7.250	38.900	HOÁ HỌC	NV1
50	TRẦN THỊ MINH NGỌC	12/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	9.500	9.500	9.200				5.125	38.450	HOÁ HỌC	NV1
51	DƯƠNG TRUNG LẬP	12/08/2010	TP.HỒ CHÍ MINH	KINH	7.000	9.250	9.400		3.880		6.375	38.400	HOÁ HỌC	NV1
52	LÊ ĐOÀN THIÊN AN	24/05/2010	TP.HỒ CHÍ MINH	KINH	7.750	9.500	10.000				5.375 6.830	38.000	HOÁ HỌC	NV1
53	HỒ THỊ NGỌC NHƯ	29/12/2010	TP.HỒ CHÍ MINH	KINH	9.250	9.500	8.600				5.250	37.850	HOÁ HỌC	NV1
54	ĐÀO LÊ THANH THẢO	08/03/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	8.000	9.500	9.600				5.375	37.850	HOÁ HỌC	NV1
55	ĐỖ LÊ HỒNG YẾN	13/08/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	7.750	10.000	9.600				4.750	36.850	HOÁ HỌC	NV1
56	NGUYỄN THỊ BÌNH AN	16/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.000	9.500	10.000				4.625	36.750	HOÁ HỌC	NV1
57	ĐỖ HUY ANH	07/06/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.250	9.500	8.400				5.750	36.650	HOÁ HỌC	NV1
58	NGÔ QUANG HUY	04/05/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	7.750	9.250	8.600		3.000		5.250	36.100	HOÁ HỌC	NV1
59	BÙI TẤN PHÚC	23/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	9.500	9.800				4.125	36.050	HOÁ HỌC	NV1
60	NGUYỄN TƯỜNG NHIÊN	31/03/2010	QUẢNG NGÃI	KINH	8.000	9.750	9.600				4.125	35.600	HOÁ HỌC	NV1
61	NGUYỄN MINH TRÍ	26/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.250	9.500	9.200				4.500	34.950	HOÁ HỌC	NV1
62	HỒ TRẦN QUANG MINH	05/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.000	9.500	9.600				3.875	34.850	HOÁ HỌC	NV1
63	ĐẶNG NGUYỄN NHẬT ANH	01/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.000	9.500	6.200				6.000	34.700	HOÁ HỌC	NV1

H. C. SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH PHƯỚC

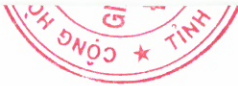
Trường: THPT chuyên Quang Trung

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi các môn chung			Điểm thi các môn chuyên				Điểm XT	Lớp chuyên	Trúng tuyển
					Văn	Toán	Anh	Văn	Toán	Anh	KHTN(Lí, Hóa, Sinh)			
64	NGUYỄN HUỲNH THẢO NGUYỄN	30/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	9.250	9.500	9.800				2.875	34.300	HOÁ HỌC	NV1
65	NGUYỄN HOÀNG BẢO NGỌC	14/05/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	9.250	9.250	9.100				3.250	34.100	HOÁ HỌC	NV1
66	HOÀNG BẢO NGỌC	28/05/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	9.000	9.250	9.400				3.125	33.900	HOÁ HỌC	NV1
67	NGUYỄN NGỌC YẾN TRANG	06/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.750	10.000	8.300				3.750	33.550	HOÁ HỌC	NV1
68	ĐỖ GIA PHƯỚC	01/06/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.250	9.500	8.400				3.500	33.150	HOÁ HỌC	NV1
69	LÝ BÌNH MINH	10/03/2010	BÌNH PHƯỚC	TÂY	9.000	9.000	10.000		2.750		6.125	40.250	HOÁ HỌC	NV2
70	ĐẶNG TẤN THIÊN	26/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.750	9.250	9.600				2.750	33.100	HOÁ HỌC	NV1
71	NGUYỄN THANH PHONG	03/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.750	9.000	9.200				6.000	38.950	VẬT LÍ	NV1
72	LÊ MINH BẢO CHÂU	08/05/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	7.750	9.500	10.000			4.800	5.380	38.010	VẬT LÍ	NV1
73	LÊ PHÚC NGUYỄN HUNG	06/07/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	8.250	9.500	9.800		2.130		4.880	37.310	VẬT LÍ	NV1
74	MA TIẾN SĨ	18/05/2010	BÌNH PHƯỚC	TÂY	7.750	9.250	8.700				5.130	35.960	VẬT LÍ	NV1
75	TRẦN HOÀNG DIỆU LINH	22/09/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	8.000	9.500	8.100				5.130	35.860	VẬT LÍ	NV1
76	VÕ KHÁNH HÀ	28/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.750	9.000	9.800				4.630	35.810	VẬT LÍ	NV1
77	LƯƠNG GIA HUY	01/02/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	7.750	9.000	9.300				4.630	35.310	VẬT LÍ	NV1
78	NGUYỄN TUẤN KIẾT	03/10/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	6.750	9.500	8.500				5.250	35.250	VẬT LÍ	NV1
79	NGUYỄN ANH HUY	09/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.500	9.500	9.200				5.000	35.200	VẬT LÍ	NV1
80	HUỲNH TRÍ TÂN	21/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.250	9.500	7.100				5.130	35.110	VẬT LÍ	NV1
81	LÝ TRƯỜNG THỊNH	27/07/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	7.500	9.000	8.800				4.880	35.060	VẬT LÍ	NV1
82	PHẠM HOÀI GIA KIỆM	08/05/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	9.000	8.500	9.800				3.750	34.800	VẬT LÍ	NV1
83	ĐÀO THỊ QUẾ NHI	20/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	9.500	9.600				3.500	34.600	VẬT LÍ	NV1
84	NGUYỄN PHẠM NHƯ QUỲNH	28/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.750	9.500	8.400				3.880	34.410	VẬT LÍ	NV1

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi các môn chung			Điểm thi các môn chuyên				Điểm XT	Lớp chuyên	Trúng tuyển	
					Văn	Toán	Anh	Văn	Toán	Anh	KHTN(Lí, Hóa, Sinh)				
85	NGUYỄN NHƯ HIẾU	22/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.000	9.500	9.200				3.750		34.200	VẬT LÍ	NV1
86	NGUYỄN ĐĂNG BẢO	05/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	9.000	9.000				3.750		34.000	VẬT LÍ	NV1
87	ĐÀO THẾ KIẾT	17/03/2010	BẾN TRE	KINH	8.250	9.500	8.400				3.880		33.910	VẬT LÍ	NV1
88	VŨ PHẠM HẢI DƯƠNG	13/04/2010	TP.HỒ CHÍ MINH	KINH	7.750	9.750	8.900			2.300	3.750		33.900	VẬT LÍ	NV1
89	LÊ NGỌC HÙNG	05/05/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	9.500	9.200		5.130		3.250		33.700	VẬT LÍ	NV1
90	PHẠM VŨ HÀ MY	14/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	9.500	9.600				3.000		33.600	VẬT LÍ	NV1
91	LÊ UY VŨ	18/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	9.500	8.600				3.500		33.600	VẬT LÍ	NV1
92	NGUYỄN HOÀNG VINH	15/06/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	9.000	9.500	8.200				3.380		33.460	VẬT LÍ	NV1
93	PHẠM THỊ VÂN NHI	16/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.250	9.500	9.400				3.500		33.150	VẬT LÍ	NV1
94	TRƯỜNG QUANG CHÍ AN	18/05/2010	TP.HỒ CHÍ MINH	KINH	6.500	9.000	9.400				3.880		32.660	VẬT LÍ	NV1
95	ĐƯỜNG VIỆT HUY	27/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.750	9.250	8.400				4.000		32.400	VẬT LÍ	NV1
96	CAO ĐỨC VIỆT	07/10/2010	TP.HỒ CHÍ MINH	KINH	8.250	8.750	7.500				3.880		32.260	VẬT LÍ	NV1
97	DƯƠNG NGUYỄN GIA HÙNG	21/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.750	9.000	7.600				3.380		32.110	VẬT LÍ	NV1
98	DƯƠNG THỊ QUỲNH TRÂM	28/05/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	9.500	7.900				2.880		31.660	VẬT LÍ	NV1
99	HOÀNG GIA LINH	12/06/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.250	9.500	9.000				2.380		31.510	VẬT LÍ	NV1
100	NGUYỄN THÙY NGỌC HÂN	08/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	7.750	8.000				3.500		31.250	VẬT LÍ	NV1
101	ĐOÀN NAM KHÔI	16/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.750	8.750	9.400				2.630		31.160	VẬT LÍ	NV1
102	NGUYỄN TRẦN ANH KHOA	23/08/2010	TP.HỒ CHÍ MINH	KINH	7.750	9.500	8.800				2.500		31.050	VẬT LÍ	NV1
103	CẦN HÀ MY	05/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	9.500	8.700				2.130		30.960	VẬT LÍ	NV1
104	HOÀNG THANH PHƯƠNG	25/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.000	8.750	8.200				3.000		30.950	VẬT LÍ	NV1
105	TRƯỜNG HUỆ MẪN	05/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	9.000	9.400				2.500		30.900	VẬT LÍ	NV1

Trường: THPT chuyên Quang Trung

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi các môn chung			Điểm thi các môn chuyên				Điểm XT	Lớp chuyên	Trúng tuyển
					Văn	Toán	Anh	Văn	Toán	Anh	KHTN(Lí, Hóa, Sinh)			
106	ĐẶNG VINH CHI	20/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.250	9.750	9.000				9.000	45.000	SINH HỌC	NV1
107	PHẠM VŨ GIA HÂN	23/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	9.000	9.000	10.000				8.000	44.000	SINH HỌC	NV1
108	PHẠM HƯƠNG GIANG	05/03/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	8.000	9.000	9.100				8.650	43.400	SINH HỌC	NV1
109	VŨ HÀ VY	19/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.250	9.250	9.800				7.680	42.660	SINH HỌC	NV1
110	NGUYỄN MINH THU	24/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	9.000	9.500	9.800				7.100	42.500	SINH HỌC	NV1
111	NGUYỄN THÁI ANH	08/01/2010	TP.HỒ CHÍ MINH	KINH	8.000	9.000	8.100				8.500	42.100	SINH HỌC	NV1
112	BÙI NGỌC CÁT TƯỜNG	13/09/2010	KHÁNH HÒA	KINH	9.000	9.000	9.600				6.780	41.160	SINH HỌC	NV1
113	TRẦN THỊ BẢO NGỌC	18/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.750	9.500	9.400				7.250	41.150	SINH HỌC	NV1
114	NGUYỄN ANH THY	20/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	8.500	9.000				7.500	41.000	SINH HỌC	NV1
115	NGUYỄN DANH THỎA	03/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.250	9.250	8.400				7.500	40.900	SINH HỌC	NV1
116	TRẦN THỊ MAI PHƯƠNG	21/01/2010	KON TUM	KINH	8.750	9.500	8.200				7.030	40.510	SINH HỌC	NV1
117	NGUYỄN HỮU TÀI	26/05/2010	TP.HỒ CHÍ MINH	KINH	8.500	9.500	8.500				6.900	40.300	SINH HỌC	NV1
118	BÙI NGỌC HẢI	21/05/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	9.000	6.500				7.750	39.500	SINH HỌC	NV1
119	ĐỖ NGỌC THẢO VY	08/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	9.000	7.900				7.130	38.660	SINH HỌC	NV1
120	TRẦN VĂN HOÀNG NAM	20/06/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.250	9.000	9.800				5.780	38.610	SINH HỌC	NV1
121	HỒ LÊ HUY BẢO	16/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.000	9.500	9.000				6.000	38.500	SINH HỌC	NV1
122	NGUYỄN NGỌC BẢO TRÂM	07/06/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	8.500	9.200				5.550	37.300	SINH HỌC	NV1
123	NGÔ GIA BẢO	19/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.250	8.750	9.600				6.150	36.900	SINH HỌC	NV1
124	LÊ HOÀNG THÁI SANG	11/10/2010	HÀ TĨNH	KINH	7.750	9.500	7.900				5.830	36.810	SINH HỌC	NV1
125	ĐẶNG LÊ QUỲNH ANH	18/01/2010	LÂM ĐỒNG	KINH	7.500	9.250	7.800				6.000	36.550	SINH HỌC	NV1
126	ĐINH THANH VÂN	08/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	9.500	9.000				4.750	36.500	SINH HỌC	NV1



Trường: THPT chuyên Quang Trung

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi các môn chung			Điểm thi các môn chuyên				Điểm XT	Lớp chuyên	Trúng tuyển
					Văn	Toán	Anh	Văn	Toán	Anh	KHTN(Lí, Hóa, Sinh)			
127	NGUYỄN HỮU NAM	07/05/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.750	6.750	8.800				6.400	35.100	SINH HỌC	NV1
128	PHAN TRẦN KHÁNH NGỌC	09/11/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	8.500	7.500	9.600				4.730	35.060	SINH HỌC	NV1
129	VŨ THỊ KIM ANH	01/01/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	7.750	9.000	8.700				4.700	34.850	SINH HỌC	NV1
130	NGUYỄN THẢO HIỀN	04/05/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	9.250	8.300				4.850	34.750	SINH HỌC	NV1
131	NGUYỄN TRỊNH NHƯ PHỤNG	23/06/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.750	9.000	6.400				5.380	33.910	SINH HỌC	NV1
132	PHẠM NGUYỄN THÙY DƯƠNG	13/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.000	9.000	8.700				4.500	33.700	SINH HỌC	NV1
133	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	25/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.000	9.250	7.500				4.000	32.750	SINH HỌC	NV1
134	NGUYỄN NGỌC KHÁNH AN	20/01/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	6.250	8.500	7.600				2.700	27.750	SINH HỌC	NV1
135	NGÔ NGỌC ANH THƯ	16/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.750	9.500	9.300			3.500	8.050	43.650	SINH HỌC	NV2
136	HOÀNG BẢO CHÂU	11/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	9.000	8.500	9.600			2.400	5.100	37.300	SINH HỌC	NV2
137	LÊ HUỲNH KHANG NGUYỄN	02/09/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	8.500	8.750	9.800				2.250 3.750	34.550	SINH HỌC	NV2
138	NGUYỄN THẾ BẢO	15/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	9.250	10.000	9.600		8.000			44.850	TIN HỌC	NV1
139	NGUYỄN ĐĂNG PHƯỚC NINH	23/09/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	8.750	10.000	10.000		7.750		5.130	44.250	TIN HỌC	NV1
140	NGUYỄN VIỆT BẢO NHÂN	27/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.000	9.500	10.000		7.380			42.260	TIN HỌC	NV1
141	TRẦN THẢO NGUYỄN	02/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	10.000	9.800		7.250			41.800	TIN HỌC	NV1
142	PHAN THỊ THANH NHÀN	09/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	9.000	9.500	9.800		6.750			41.800	TIN HỌC	NV1
143	PHAN THỊ MỸ HẰNG	21/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.250	9.500	9.100		6.130			39.110	TIN HỌC	NV1
144	PHẠM KIM BẢO	22/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	9.500	9.200		6.250			38.700	TIN HỌC	NV1
145	VÕ QUỐC HUY	08/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.750	9.250	9.600		6.000			38.600	TIN HỌC	NV1
146	NGUYỄN THANH HUỲỀN	31/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.750	9.250	8.700		5.880			38.460	TIN HỌC	NV1
147	KIỀU MINH THỨC	23/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	9.000	9.400		5.630			38.160	TIN HỌC	NV1

Trường: THPT chuyên Quang Trung

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi các môn chung			Điểm thi các môn chuyên			Điểm XT	Lớp chuyên	Trúng tuyển
					Văn	Toán	Anh	Văn	Toán	Anh			
148	LÀNG THỊ THÁI AN	18/06/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	8.750	9.500	9.600		5.380		38.610	TIN HỌC	NV2
149	NGUYỄN TRẦN NHƯ KHÁNH	03/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	9.250	9.500	9.800		5.000		38.550	TIN HỌC	NV2
150	TRẦN TUẤN KHOA	10/07/2010	QUẢNG NGÃI	KINH	8.000	10.000	8.400		5.500		37.400	TIN HỌC	NV1
151	HOA XUÂN MẠNH HẠO	27/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.250	9.250	9.100		6.250		38.100	TIN HỌC	NV2
152	LÊ QUANG NHẬT	11/05/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.750	9.500	9.800		4.500		37.050	TIN HỌC	NV1
153	TRƯỜNG HUỲNH GIA BẢO	16/02/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	7.750	9.250	10.000		5.500		38.000	TIN HỌC	NV2
154	TRẦN DUY THÀNH	10/02/2010	NAM ĐỊNH	KINH	8.750	9.500	9.600		5.000		37.850	TIN HỌC	NV2
155	LÊ THỨC BẢO LỘC	16/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	10.000	10.000		5.130		37.760	TIN HỌC	NV2
156	TRẦN CHÍ CƯỜNG	27/11/2010	TP.HỒ CHÍ MINH	HOA	7.750	9.500	9.000		5.750		37.750	TIN HỌC	NV2
157	ĐỖ BÁ MẠNH CƯỜNG	05/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.750	8.750	9.400		4.880		36.660	TIN HỌC	NV1
158	PHAN NGỌC HÂN	29/10/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	9.000	9.750	9.800		4.500		37.550	TIN HỌC	NV2
159	VÕ BÁ NGUYỄN	08/02/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	8.500	9.500	9.400		5.000		37.400	TIN HỌC	NV2
160	THÁI VĨNH TÍN	28/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	9.500	9.400		5.000		37.400	TIN HỌC	NV2
161	NGUYỄN KHÔI NGUYỄN	13/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	10.000	9.600		4.630		37.360	TIN HỌC	NV2
162	ĐỖ ĐỨC THÀNH VINH	17/09/2010	TP.HỒ CHÍ MINH	KINH	8.750	9.500	9.600		4.250		36.350	TIN HỌC	NV1
163	NGUYỄN VỸ LINH KỲ	11/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.000	9.500	10.000		4.380		36.260	TIN HỌC	NV1
164	TRẦN THỊ PHƯƠNG LINH	27/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	10.000	8.200		5.250		37.200	TIN HỌC	NV2
165	VŨ THUY NHUNG	02/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	9.750	9.800		4.500		37.050	TIN HỌC	NV2
166	VƯƠNG THỊ NHƯ QUỲNH	05/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	9.000	9.500	9.400		4.500		36.900	TIN HỌC	NV2
167	NGUYỄN HOÀNG THUY ĐƯƠNG	21/03/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	8.750	9.500	9.600		4.500		36.850	TIN HỌC	NV2
168	LƯƠNG GIA HUY	15/02/2010	BÌNH PHƯỚC	NÙNG	8.500	9.500	7.000		5.880		36.760	TIN HỌC	NV2

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi các môn chung			Điểm thi các môn chuyên				Điểm XT	Lớp chuyên	Trúng tuyển
					Văn	Toán	Anh	Văn	Toán	Anh	KHTN(Lí, Hóa, Sinh)			
169	NGO DOÀN DUY	15/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.750	9.500	8.000		5.750			36.750	TIN HỌC	NV2
170	ĐẶNG TÀI DŨNG	09/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.750	9.500	9.000		4.250			35.750	TIN HỌC	NV1
171	TRẦN QUỐC THÁI	05/01/2010	NGHỆ AN	KINH	8.500	9.500	9.400		4.630			36.660	TIN HỌC	NV2
172	ĐỖ LÊ ANH ĐỨC	03/05/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.750	9.500	9.800		4.250			36.550	TIN HỌC	NV2
173	VŨ CHÍ THÀNH	06/05/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	9.000	9.500	9.800		8.630			45.560	TOÁN	NV1
174	HOÀNG TẤN PHƯỚC	05/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.750	10.000	9.800		8.500			45.550	TOÁN	NV1
175	VŨ ĐĂNG KHÔI NGUYỄN	04/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.750	10.000	9.800		8.000			44.550	TOÁN	NV1
176	NGUYỄN DẠ THẢO	04/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	9.250	10.000	9.800		7.750			44.550	TOÁN	NV1
177	NGUYỄN AN NGUYỄN	04/10/2010	THÁI BÌNH	KINH	9.750	9.500	8.900		8.000			44.150	TOÁN	NV1
178	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	06/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.000	10.000	10.000		8.000			44.000	TOÁN	NV1
179	TƯỜNG THẾ NGỌC	18/06/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	9.500	9.500	10.000		7.500			44.000	TOÁN	NV1
180	HUỲNH NGỌC HƯƠNG GIANG	06/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	9.250	9.750	9.600		7.630			43.860	TOÁN	NV1
181	HOÀNG TIẾN THÀNH	26/12/2010	QUẢNG BÌNH	KINH	8.750	9.250	9.600		8.000			43.600	TOÁN	NV1
182	PHẠM XUÂN CHIẾN	13/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	9.250	9.500	8.800		8.000			43.550	TOÁN	NV1
183	PHẠM LÊ MINH KHÔI	10/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.250	10.000	10.000		7.630			43.510	TOÁN	NV1
184	BÙI NGUYỄN THÙY LINH	08/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.750	10.000	9.800		7.380			43.310	TOÁN	NV1
185	VÔ TRUNG NHÂN	13/12/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	8.750	9.750	9.800		7.500			43.300	TOÁN	NV1
186	NGÔ PHƯƠNG THẢO	10/05/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	9.000	10.000	9.800		7.250			43.300	TOÁN	NV1
187	HOÀNG ANH THU	24/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	9.000	9.500	9.800		7.380			43.060	TOÁN	NV1
188	LÊ NGUYỄN KHÁNH AN	15/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	9.000	10.000	9.800		7.000			42.800	TOÁN	NV1
189	NGUYỄN THÙY TÂM AN	18/03/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	8.500	9.750	10.000		7.250			42.750	TOÁN	NV1

Trường: THPT chuyên Quang Trung

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi các môn chung			Điểm thi các môn chuyên				Điểm XT	Lớp chuyên	Trúng tuyển	
					Văn	Toán	Anh	Văn	Toán	Anh	KHTN(Lí, Hóa, Sinh)				
190	LÊ TRUNG DŨNG	28/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.000	10.000	9.800			7.250			42.300	TOÁN	NV1
191	PHẠM CÔNG SƠN	01/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.750	9.750	9.800						42.300	TOÁN	NV1
192	LÊ HOÀNG SƠN	19/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	10.000	7.600			8.000			42.100	TOÁN	NV1
193	TRẦN PHI YẾN	16/01/2010	ĐẮK NÔNG	KINH	8.500	10.000	10.000			6.750			42.000	TOÁN	NV1
194	PHAN NGUYỄN KHOA AN	25/02/2010	TP.HỒ CHÍ MINH	KINH	8.000	9.750	9.500			7.250			41.750	TOÁN	NV1
195	TỔNG TIẾN ĐẠT	09/01/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	8.000	9.750	10.000			7.000			41.750	TOÁN	NV1
196	NGUYỄN MINH TRANG	04/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.750	10.000	10.000			6.500			41.750	TOÁN	NV1
197	TRẦN THƯỜNG VIỆT	02/07/2010	GIA LAI	KINH	9.000	9.250	9.800			6.630			41.310	TOÁN	NV1
198	LÊ TRUNG TÍN	21/03/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	8.250	9.750	10.000			6.630			41.260	TOÁN	NV1
199	NGUYỄN HUY HOÀNG	07/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.250	9.750	9.200			7.000			41.200	TOÁN	NV1
200	NGUYỄN PHAN THÚY QUỲNH	06/06/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.750	9.750	9.400			6.630			41.160	TOÁN	NV1
201	TRẦN GIA BẢO	09/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.000	9.750	9.800			7.250			41.050	TOÁN	NV1
202	NGUYỄN PHAN TIẾN HÙNG	22/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	9.750	9.300			6.750		5.500	41.050	TOÁN	NV1
203	NGUYỄN QUANG MINH	08/04/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	8.250	9.750	10.000			6.500			41.000	TOÁN	NV1
204	TĂNG MINH QUỐC	27/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	9.000	8.400			7.500			40.900	TOÁN	NV1
205	NGUYỄN TRẦN GIA MINH	02/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.250	9.250	9.800			7.250			40.800	TOÁN	NV1
206	NGUYỄN HOÀNG MINH THÔNG	17/11/2010	TP.HỒ CHÍ MINH	KINH	8.000	9.500	9.800			6.750	4.400		40.800	TOÁN	NV1
207	TRẦN VIỆT HOÀNG	19/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	9.000	9.500	8.700			6.750			40.700	TOÁN	NV1
208	LƯU NGỌC MẠNH	23/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.750	9.250	9.200			7.250			40.700	TOÁN	NV1
209	NGUYỄN TUÔNG LÂN	30/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.250	9.750	9.600			7.000			40.600	TOÁN	NV1
210	LƯƠNG MẠNH KHÔI	23/10/2010	TP.HỒ CHÍ MINH	KINH	7.250	9.000	9.300			7.500			40.550	TOÁN	NV1

Trường: THPT chuyên Quang Trung

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi các môn chung			Điểm thi các môn chuyên				Điểm XT	Lớp chuyên	Trúng tuyển
					Văn	Toán	Anh	Văn	Toán	Anh	KHTN(Lí, Hóa, Sinh)			
211	ĐÀO HÀ TRỌNG NHÂN	31/07/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	8.250	9.000	9.800		6.750			40.550	TOÁN	NVI
212	VÕ THỊ VÂN THANH	20/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	9.000	9.750	8.500		6.630			40.510	TOÁN	NVI
213	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	29/10/2010	HÀ NỘI	KINH	7.500	10.000	9.400		6.750			40.400	TOÁN	NVI
214	PHẠM TIẾN ĐỨC	01/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.250	9.500	10.000		6.250			40.250	TOÁN	NVI
215	ĐỖ VIỆT HOÀNG NAM	30/06/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.000	9.750	9.600		6.380			40.110	TOÁN	NVI
216	PHẠM MINH HIẾU	12/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	9.000	9.600		6.500			40.100	TOÁN	NVI
217	TRẦN NGỌC NHƯ HIỂN	23/03/2010	TP.HỒ CHÍ MINH	KINH	8.000	9.500	9.800		6.380			40.060	TOÁN	NVI
218	NGUYỄN PHI LONG	13/06/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	9.500	9.500	10.000		5.500			40.000	TOÁN	NVI
219	PHẠM THẢO NHI	13/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	9.000	10.000		6.250			40.000	TOÁN	NVI
220	VŨ LÊ CÔNG DANH	27/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	9.750	9.800		5.880			39.810	TOÁN	NVI
221	NGUYỄN THUY LÂM	28/01/2010	LONG AN	KINH	9.000	9.500	8.800		6.250			39.800	TOÁN	NVI
222	VŨ TÙNG LÂM	15/09/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	9.250	9.250	9.800		5.750			39.800	TOÁN	NVI
223	LŨNG MINH DŨNG	12/07/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	9.000	9.750	10.000		5.500		5.000	39.750	TOÁN	NVI
224	NGUYỄN ĐỨC KHANG	23/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.750	10.000	10.000		5.500			39.750	TOÁN	NVI
225	NGUYỄN VÂN BÌNH	16/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.750	9.250	9.200		6.250			39.700	TOÁN	NVI
226	NGUYỄN CÔNG CHÍNH	28/05/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.250	9.750	9.400		6.630			39.660	TOÁN	NVI
227	NGUYỄN CHÍ TÀI	17/01/2010	NINH THUẬN	KINH	8.000	9.750	9.400		6.250			39.650	TOÁN	NVI
228	TRỊNH THỊ THẢO NHƯ	25/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.750	9.750	9.600		5.750			39.600	TOÁN	NVI
229	VŨ GIA HOÀNG	12/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.750	10.000	7.400		7.130			39.410	TOÁN	NVI
230	NGUYỄN GIA PHÚ	07/06/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	8.500	9.750	9.400		5.880			39.410	TOÁN	NVI
231	NGUYỄN THÀNH AN	06/07/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	8.000	9.750	8.600		6.500			39.350	TOÁN	NVI



TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi các môn chung			Điểm thi các môn chuyên				Điểm XT	Lớp chuyên	Trúng tuyển
					Văn	Toán	Anh	Văn	Toán	Anh	KHTN(Li, Hóa, Sinh)			
232	NGUYỄN THỊ BẢO NHI	09/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	9.500	9.500	9.800		5.250			39.300	TOÁN	NV1
233	NGUYỄN LƯƠNG TÍN	07/07/2010	TP.HỒ CHÍ MINH	KINH	7.750	8.250	9.300		7.000			39.300	TOÁN	NV1
234	ĐOÀN THỊ ANH THƯ	03/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	9.250	9.500	10.000		5.250			39.250	TOÁN	NV1
235	NGUYỄN HỮU KHANG	27/06/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	9.500	9.600		5.750			39.100	TOÁN	NV1
236	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÚY	10/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.750	9.500	9.800		5.500			39.050	TOÁN	NV1
237	NGÔ HUỲNH KHÁNH THY	22/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.750	9.500	9.300		5.750			39.050	TOÁN	NV1
238	LÊ NGUYỄN TRÂM ANH	29/07/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	8.500	9.500	9.000		6.000			39.000	TOÁN	NV1
239	NGUYỄN PHÙNG ĐỨC PHONG	30/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.750	9.500	9.200		5.750			38.950	TOÁN	NV1
240	NGUYỄN BẢO TRUNG	14/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.750	9.000	8.700		6.250			38.950	TOÁN	NV1
241	LÊ PHẠM TUỆ LÂM	03/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.750	10.000	9.600		5.250			38.850	TOÁN	NV1
242	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG LÂM	15/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.250	9.500	9.800		5.630			38.810	TOÁN	NV1
243	PHẠM TRẦN NGỌC THỦY	04/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	9.250	9.500	9.600	8.500				45.350	NGỮ VĂN	NV1
244	NGUYỄN PHAN VĂN THI	02/04/2010	NGHỆ AN	KINH	9.000	9.500	9.600	7.500				43.100	NGỮ VĂN	NV1
245	PHAN ĐỖ THỊ QUỲNH TRÂM	12/09/2010	KHÁNH HÒA	KINH	9.500	9.500	10.000	7.000				43.000	NGỮ VĂN	NV1
246	NGUYỄN VŨ BẢO HÀ	18/10/2010	TP.HỒ CHÍ MINH	KINH	8.750	9.500	9.300	7.500				42.550	NGỮ VĂN	NV1
247	PHẠM THỊ HOÀI THUƠNG	02/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.750	9.750	8.600	7.500				42.100	NGỮ VĂN	NV1
248	NGUYỄN NGỌC BẢO TRÂM	20/02/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	8.500	9.000	9.600	7.250				41.600	NGỮ VĂN	NV1
249	BÙI THUY TIẾN	02/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	9.500	10.000	6.750				41.500	NGỮ VĂN	NV1
250	VŨ LÊ TRÂM ANH	14/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	8.500	9.400	7.500				41.400	NGỮ VĂN	NV1
251	LÊ TƯỜNG VY	28/9/2010	CÀ MAU	KINH	9.000	9.000	7.800	7.500				40.800	NGỮ VĂN	NV1
252	NGUYỄN ĐẶNG BẢO THY	10/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	9.500	9.600	6.250				40.100	NGỮ VĂN	NV1

X.H.C
10 D
ĐÀO T
BÌNH

Trường: THPT chuyên Quang Trung

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi các môn chung				Điểm thi các môn chuyên				Lớp chuyên	Trúng tuyển
					Văn	Toán	Anh		Văn	Toán	Anh	KHTN(Li, Hóa, Sinh)		
253	VÕ NHẬT PHƯƠNG	22/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	9.000	9.500	9.800		5.750				NGŨ VẤN	NVI
254	NGUYỄN QUỐC TRIỆU	05/10/2010	QUẢNG NGÃI	KINH	9.000	9.000	8.700		6.500				NGŨ VẤN	NVI
255	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	14/07/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	9.000	9.500	9.200		6.000				NGŨ VẤN	NVI
256	VÕ THÚY VY	23/05/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	9.250	9.500	9.400		5.750				NGŨ VẤN	NVI
257	NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	02/01/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	9.000	9.500	9.600		5.750				NGŨ VẤN	NVI
258	TRẦN MINH THU	10/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	9.000	9.500	8.400		6.250				NGŨ VẤN	NVI
259	HUỲNH THÁI MỸ	15/04/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	9.250	9.500	9.100		5.750				NGŨ VẤN	NVI
260	ĐẶNG NGUYỄN MINH PHƯƠNG	04/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.750	9.500	9.400		5.750				NGŨ VẤN	NVI
261	LÊ VŨ NGỌC HÂN	25/05/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	9.500	8.600		6.250				NGŨ VẤN	NVI
262	PHÍ NHU QUỲNH	07/05/2010	ĐÀI LOAN	KINH	8.750	9.000	9.600		5.750				NGŨ VẤN	NVI
263	NGUYỄN GIA HỒNG	02/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.750	9.500	8.400		6.000				NGŨ VẤN	NVI
264	NGUYỄN NGỌC GIA LINH	28/08/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	8.000	9.500	9.000		6.000				NGŨ VẤN	NVI
265	HOÀNG PHƯƠNG LINH	03/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.750	9.000	8.200		6.250				NGŨ VẤN	NVI
266	NGUYỄN NGỌC BẢO YẾN	28/12/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	8.500	9.750	8.000		6.000				NGŨ VẤN	NVI
267	PHẠM THỊ PHƯƠNG THUY	27/03/2010	ĐẮK NÔNG	KINH	9.250	8.000	8.300		6.250				NGŨ VẤN	NVI
268	NGÔ HÀ THIÊN HƯỜNG	21/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	9.000	9.500	8.300		5.500				NGŨ VẤN	NVI
269	HUỲNH ĐOÀN PHƯƠNG VY	02/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.250	9.000	9.000		5.500				NGŨ VẤN	NVI
270	TẠ THỊ KHÁNH LINH	28/10/2010	THÁI BÌNH	KINH	8.500	7.750	8.900		6.000				NGŨ VẤN	NVI
271	NGUYỄN KHÁNH THY	05/12/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	8.000	9.000	9.600		5.250				NGŨ VẤN	NVI
272	LÊ KHÁNH HÀ	13/12/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	9.000	9.500	9.300		4.500				NGŨ VẤN	NVI
273	ĐẶNG HOÀNG KHÁNH NGỌC	06/04/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	7.750	9.500	10.000		4.750				NGŨ VẤN	NVI

Trường: THPT chuyên Quang Trung

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi các môn chung			Điểm thi các môn chuyên				Điểm XT	Lớp chuyên	Trung tuyển
					Văn	Toán	Anh	Văn	Toán	Anh	KHTN(Li, Hóa, Sinh)			
274	ĐỖ HUƠNG THẢO	30/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.750	9.500	9.300	4.500				36.550	NGŨ VÂN	NV1
275	BỒ NGUYỄN BẢO TRẦN	08/02/2010	TP HỒ CHÍ MINH	KINH	8.500	8.750	8.300	5.500				36.550	NGŨ VÂN	NV1
276	NGHIÊM THỊ NGÂN GIANG	17/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.250	9.250	8.000	5.500	2.250			36.500	NGŨ VÂN	NV1
277	TRẦN NGỌC THANH THÚY	09/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	9.250	6.500	6.700	7.000				36.450	NGŨ VÂN	NV1

NGƯỜI LẬP BẢNG

Bình Phước, ngày 27 tháng 6 năm 2025



Dương Văn Ca

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Ngọc Thống